



Kết quả hoạt động 2014 & Kế hoạch kinh doanh 2015

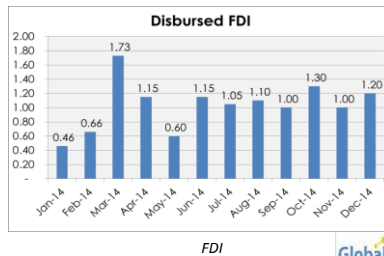
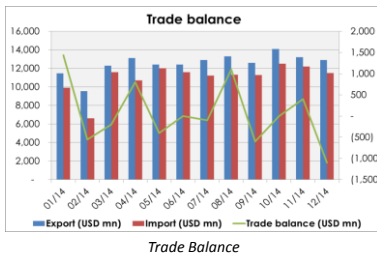
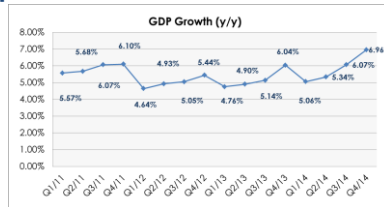
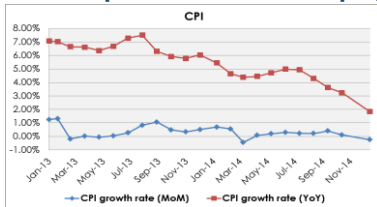
Tháng 3/2015



Tổng quan kinh tế 2014

2

- Năm 2014, nền kinh tế đã vượt qua những khó khăn với các dấu hiệu khá rõ nét về việc phục hồi:



FDI
Nguồn: Tổng cục thống kê (TCTK)/ TCSC.





Tổng quan kinh tế 2014

❖ Các chỉ số vĩ mô:

Chỉ số	2013	2014
GDP (yoy)	5.42%	5.98%
CPI (yoy)	6.04%	4.09%
IIP	5.9%	7.6%
FDI Đăng ký (tỷ USD)	21.6	20.2
FDI Giải ngân (tỷ USD)	11.5	12.4
Tăng trưởng tín dụng	12.50%	12.62%
Tỷ giá VND : \$USD	21,036	21,246

Nguồn: TCTK/ TCSC.



Tổng quan thị trường 2014

❖ Thị trường tăng trưởng và tương đối ổn định:



Năm	VN- Index	HNX- Index
2012	413.73	57.09
2013	500.35	66.95
2014	545.63	82.98

Nguồn: TCSC.

Thanh khoản

- Giá trị giao dịch trung bình ngày đạt 2,775 tỷ đồng (126 triệu USD) trên toàn thị trường, tăng 114% so với năm 2013.

Giá cổ phiếu

- Khoảng 75% cổ phiếu trên 2 sàn tăng giá so với 2013, nhưng...
- Gần 40% cổ phiếu vẫn giao dịch dưới mệnh giá.

Số lượng cổ phiếu

- 672 cổ phiếu niêm yết trên HSX và HNX, trong đó:
- 24 cổ phiếu niêm yết mới (10 trên HSX/ 14 trên HNX)+ 2 ETF
- 31 cổ phiếu hủy niêm yết (6 trên HSX/ 25 trên HNX).

Công ty chứng khoán

- Số lượng CTCK: 85 (giảm 16 so với 2013)
- Số lượng quỹ đầu tư: 16.



5




Hoạt động kinh doanh 2014

❖ Tổng quan hoạt động ...

Môi giới:	}	<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển đội ngũ Môi giới với 10 nhân viên có kinh nghiệm và năng lực cao. • Áp dụng gói phí hoa hồng cạnh tranh: trả cho nhân viên dựa vào tổng phí thu được sau khi trừ chi phí trực tiếp liên quan. • Đặt doanh số cho từng nhân viên/ nhóm/ phòng với quy định rõ về mức thưởng/ trách nhiệm • Duy trì hợp nhận định thị trường hàng ngày cùng Phòng Phân tích
Dịch vụ ký quỹ:	}	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét danh sách CP ký quỹ hàng tháng, cân bằng giữa tính cạnh tranh của số lượng và chất lượng cổ phiếu trong danh sách và việc quản trị rủi ro của công ty. • Kiểm soát và thực hiện tốt việc quản trị rủi ro, đảm bảo sự độc lập của Bộ phận Quản trị rủi ro. • Tuân thủ pháp luật và chính sách công ty trong các hoạt động cho vay Margin.
Tự doanh:	}	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư vào các cổ phiếu được phê duyệt bởi Ủy ban Đầu tư • Thực hiện sát sao theo chính sách cất lỗ.
Chi phí:	}	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm soát chi phí theo ngân sách được phê duyệt, không đầu tư thêm • Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa nguồn lực từ IT



6




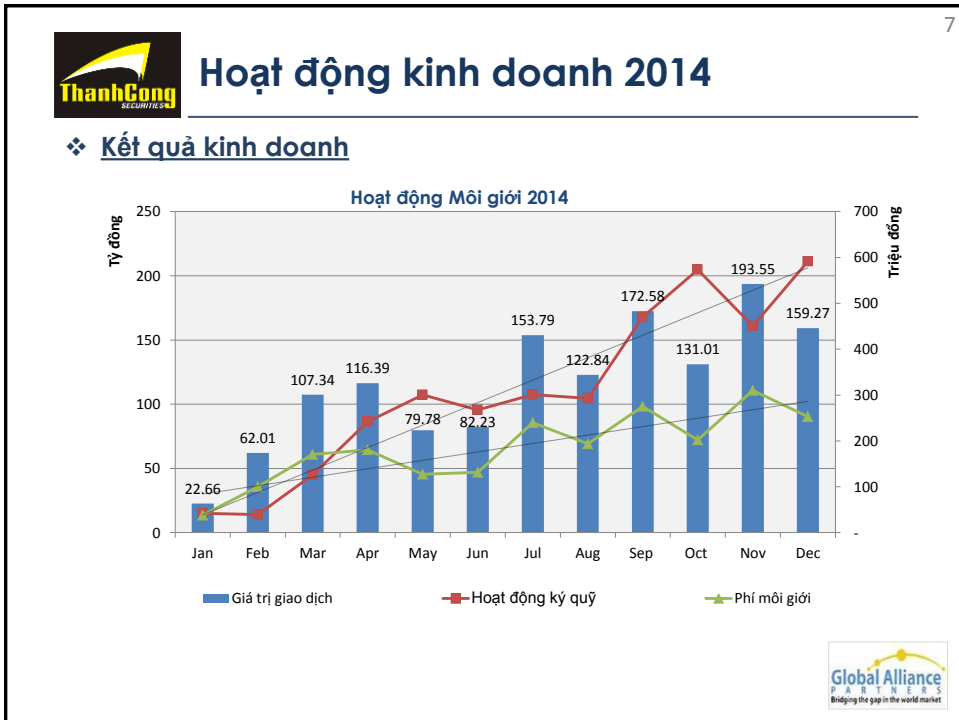
Hoạt động kinh doanh 2014

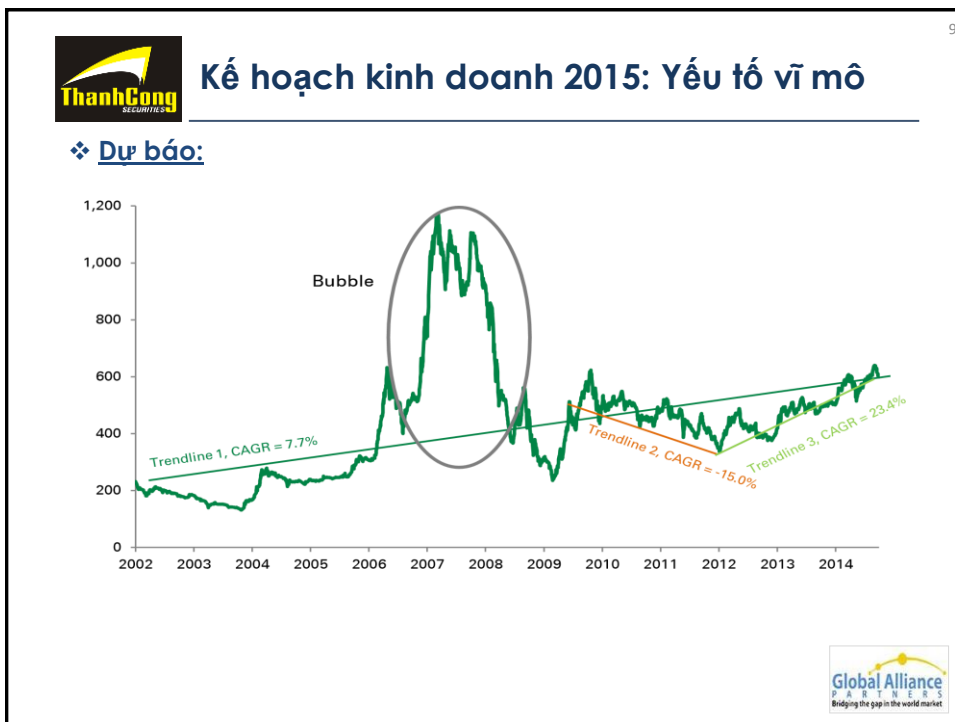
❖ Kết quả kinh doanh

Unit: VND Billions


	2014 (Thực tế)	2013 (Thực tế)	% 2014/2013 (Thực tế)	2014 (Chi tiêu)	% 14 Thực tế/ Chi tiêu
Doanh thu	27.96	27.45	102%	36.03	78%
Môi giới	2.21	0.40	550%	2.14	103%
Tự doanh	2.83	0.12	2,294%	12.86	22%
Tư vấn	-	0.02	-	0.20	-
Lưu ký chứng khoán	0.05	0.00	16,667%	0.04	125%
Dịch vụ ký quỹ	3.72	0.24	1,545%	4.38	85%
ĐT khác	19.15	26.67	72%	16.42	117%
Khấu trừ	-	-	-	0.24	0%
Chi phí	22.09	19.07	116%	22.77	97%
Chi phí kinh doanh	10.84	6.74	161%	10.32	105%
Chi phí hoạt động	11.25	12.32	91%	12.45	90%
Lợi nhuận bất thường	0.01	0.04	27%	-	-
Lợi nhuận trước thuế	5.88	8.42	70%	13.03	45%







11




Kế hoạch kinh doanh 2015 : Doanh thu

❖ **Tư doanh:**

- Ngân sách: 50 tỷ đồng
- Ngân sách phân bổ: dài hạn (năm giữ > 6 tháng) và ngắn hạn (dưới 6 tháng)
- Mục tiêu đầu tư: Các cổ phiếu trên sàn HSX/HNX
- Cấp phê duyệt đầu tư: Ủy ban đầu tư và/ hoặc TGD

Danh mục Đầu tư	Trọng số	Mục tiêu lợi nhuận (%)	Mục tiêu lợi nhuận (tỷ đồng)	Rủi ro tối đa (%)	Rủi ro tối đa (tỷ đồng)	Phân bổ vốn (tỷ đồng)	Lợi nhuận/ Rủi ro
Dài hạn	80%	15%	6.0	-10%	-4.0	40.0	1.5
Ngắn hạn	20%	25%	2.5	-10%	-1.0	10.0	2.5
Tổng cộng		17%	8.5	-10%	-5.0	50.0	1.7

Chỉ tiêu	Trường hợp tốt nhất (tỷ đồng)	Trường hợp xấu nhất (tỷ đồng)
Doanh thu	8.55	0
Chi phí trực tiếp	(0.54)	(4.79)
Chi phí gián tiếp	(0.02)	(0.02)
Lợi nhuận ròng	7.99	(4.81)



12



Kế hoạch kinh doanh 2015 : Doanh thu

❖ **Lãi suất tiền gửi:**


- Trung bình : 6.2%/năm

❖ **Tư vấn:**

- Tận dụng hỗ trợ từ mạng lưới với KTZ và GAP
- Tập trung vào: hàng tiêu dùng, năng lượng, cơ sở hạ tầng, hậu cần




13




Kế hoạch kinh doanh 2015: Mục tiêu

❖ **Phân loại tài chính theo bộ phận:** ĐV: tỷ đồng

Bộ phận	Trường hợp tốt							Trường hợp xấu						
	Thị phần	Doanh thu	Chi phí trực tiếp	Chi phí gián tiếp	Tổng chi phí	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận	Thị phần	Doanh thu	Chi phí trực tiếp	Chi phí gián tiếp	Tổng chi phí	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận
	a	b	c	d	e=c+d	f=b-c	g=b-e	a	b	c	d	e=c+d	f=b-c	g=b-e
1. Môi giới														
Môi giới	0.49%	5.63	4.84	15.06	19.9	2.31	-14.3	0.49%	5.63	4.84	15.06	19.9	2.31	14.27
Ký quỹ		12.74	6.37		6.37	6.37	6.37		12.74	6.37		6.37	6.37	6.37
Ứng trước		0.12					0.12		0.12					0.12
2. Tự doanh		8.55	0.54	0.02	0.55	8.01	8			4.79	0.02	4.8	-4.79	-4.8
3. Đầu tư														
Tự doanh				0.25	0.25		-0.25				0.25	0.25		-0.25
Tư vấn		0.2				-0.2	0.2		0.2				-0.2	0.2
4. Khác:														
Lãi suất tiền gửi		17.8				-17.8	17.8		17.8				-17.8	17.8
Chuyển CP		0.04				0.04	0.04		0.04				0.04	0.04
5. BP HỖ TRỢ			5.59		5.59	-5.59	-5.59			5.59		5.59	-5.59	-5.59
TỔNG CỘNG		45.08	17.34	15.33	32.67	29.13	12.41		36.53	21.59	15.33	36.92	16.33	-0.4




14



Kế hoạch kinh doanh 2015: Dự kiến Lãi/lỗ

❖ **Dự kiến Lãi/lỗ :** ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Trường hợp tốt	Trường hợp xấu
1. Doanh thu	38.71	30.16
- Môi giới	5.63	5.63
- Hoạt động ký quỹ	12.74	12.74
- Phí ứng trước tiền	0.12	0.12
- Tự doanh	8.55	0.00
- Tư vấn	0.20	0.20
- Chuyển nhượng CK	0.04	0.04
- Lãi suất tiền gửi	11.43	11.43
2. Khấu trừ	1.51	1.51
3. Chi phí kinh doanh	12.59	16.84
- Chi phí tự doanh	0.00	4.02
- Chi phí giao dịch	1.31	1.31
- Lương & các khoản liên quan	4.30	4.54
- Chi phí khác	6.97	6.97
4. Chi phí hoạt động	12.20	12.20
5. Tổng chi phí	24.79	29.04
6. Lợi nhuận ròng	12.41	-0.40
7. Lợi nhuận bất thường	0.00	0.00
8. Lợi nhuận trước thuế	12.41	-0.40





Thank You!

